

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 114/2022/HS-ST

Ngày: 07-4-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

Các Hội thẩm Nhân dân:

+ Ông **Phạm Văn Tâm**

+ Ông **Phạm Văn Khuyến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Xuân** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Khải** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 và ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị P (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1964; Nơi sinh: Bình Dương; Giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú: phường A, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Tạm trú: đường O, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn B1 (chết) và bà Nguyễn Thị B2 (chết); Bị cáo có chồng tên: Hà Thiện D, sinh năm 1958; Có 03 con (lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1985); Tiền án, Tiền sự: Không; Đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 22/9/2020.

2. Đặng Thị C (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1976; Nơi sinh: Kiên Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp A2, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; Tạm trú: đường L, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn

giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn N1 (chết) và bà Đặng Thị B3 (chết); Bị cáo có chồng tên: Phạm Văn Lâu, sinh năm 1973 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2002); Tiền án, Tiền sự: Không; Đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh từ ngày 31/7/2020.

3. **Nguyễn Bá T** (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1992; Nơi sinh: Sóc Trăng; Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú: đường Ô, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: N viên; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1958 và bà Nguyễn Thị V1, sinh năm: 1960; Tiền án, Tiền sự: Không; Đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh từ ngày 31/7/2020.

4. **Nguyễn Văn N** (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1979; Nơi sinh: Sóc Trăng; Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Z1, sinh năm 1949 và bà Trương Thị Á, sinh năm 1950; Vợ: Đã ly hôn Tên: Nguyễn Thị Thu H, Sinh 1983; Bị cáo có 02 con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2013); Tiền án, Tiền sự: Không; Đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 22/9/2020.

5. **Dương Thúy U** (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1974; Nơi sinh: Vĩnh Long; Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; Tạm trú: Nhà không số, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương P Xuân, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị A2, sinh năm 1950; Bị cáo có chồng tên: Đỗ Văn P1, sinh năm 1974 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2007); Tiền án, Tiền sự: Không; Đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 22/9/2020.

6. **Đặng V** (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1972, Nơi sinh: Sóc Trăng; Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú: Nhà không số, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới

tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng V2 (chết) và bà Lê Thị S (chết); Bị cáo có vợ tên: Trần Thị Trang, sinh năm 1974 và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2007); Đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 22/9/2020.

7. **Nguyễn O**, (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1962, Nơi sinh: Đà Nẵng; Hộ khẩu thường trú: Ô 1, thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn G (chết) và bà Lê Thị C2 (chết); Bị cáo có chồng tên: Lê P Hồng (chết) và có 02 con (lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993); Đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 22/9/2020.

8. **Huỳnh K** (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1977; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường P, phường Long P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công N; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn N3 (chết) và bà Nguyễn Thị Z3; Bị cáo có chồng tên: Phạm Công Khanh, sinh năm 1968 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2000); Đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 22/9/2020.

9. **Lê Văn Z** (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1971; Nơi sinh: Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã H, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: khu phố P, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn M2, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị B3, sinh năm 1950; Bị cáo có vợ tên: Lê Thị Hồng Hạnh, sinh năm 1979 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2002); Đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 22/9/2020.

10. **Nguyễn Thị Bé B** (Tên gọi khác: Không có); Sinh năm: 1973; Nơi sinh: Sóc Trăng; Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Hòa, xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Z3, sinh năm 1949 và bà Trương Thị Á3, sinh năm 1950; Đã tạm giữ tạm

giam từ ngày 10/7/2020 tại Nhà tạm giữ Công an Quận 9, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 22/9/2020.

Các bị cáo cáo mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Đường G, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước, khoảng 17 giờ 00 phút ngày 09/7/2020, Phạm Thị P điện thoại rủ Nguyễn O đến phòng trọ của P tại khu phố P, phường T, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh để đánh bài ăn tiền. Khoảng 18 giờ cùng ngày, O đến phòng trọ của P nhưng chỉ có P. Do chưa đủ người chơi đánh bài nên cả hai đi ăn uống khoảng 30 phút sau rồi quay về phòng trọ, P điện thoại cho Huỳnh K rủ K đến đánh bài. Một lúc sau, K rủ Lê Văn Z cùng đến. Sau đó, P sang phòng trọ của Nguyễn Bá T sát bên phòng trọ của P, rủ T và Nguyễn Văn N qua chơi bài. Lúc này, Nguyễn Thị Bé B cũng đến. P dùng bộ bài K đã chuẩn bị sẵn đưa cho O, K, Z, T, N và B đánh bài ăn tiền tại phòng trọ của P. Tất cả cùng thống nhất đánh bài “Cào 6 lá”, ăn thua bằng tiền, mức độ ăn thua mỗi ván bài từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng, người chơi sẽ ăn thua trực tiếp với người làm cái. Tất cả thống nhất mỗi người làm cái 24 ván bài sẽ đổi người khác làm cái. Người làm cái phải đưa cho P 50.000 đồng tiền xâu.

Ban đầu, O làm cái đánh với T, N, B, K – Z (*Z giúp K đánh bài nhưng sử dụng tiền của K*). Sau đó, Đặng Thị C, Dương Thúy U và Đặng V đến. O làm cái thêm 04 ván nữa thì không làm cái nữa (*Chưa hết 24 ván*). Lúc này, K và C rủ nhau hùn làm cái đánh bài ăn thua với O, B, N, T, U - V (*V và U hùn thành 01 tụ*). Riêng Z không tham gia do không muốn ăn thua với K. K và C làm cái xong đến lượt T và N hùn làm cái đánh bài ăn thua với O, K, C, Z, U, V. Riêng B không chơi do không muốn ăn thua với N, T. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, khi T đang làm cái (*N phụ T chia bài*) đánh bài ăn thua với O, Z, C, K, U thì bị Công an Quận 9 bắt quả tang và đưa tất cả những người liên quan về trụ sở làm việc. Thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài K loại 52 lá đã qua sử dụng, thu giữ số tiền **21.820.000 đồng** của các con bạc đang chơi (*Cụ thể: O là 200.000 đồng; K*

là 4.850.000 đồng; Z là 1.900.000 đồng; T là 900.000 đồng; U là 3.400.000 đồng; C là 10.270.000 đồng, P là 300 đồng) và **4.500.000 đồng** của các con bạc đã nghỉ chơi (gồm: V là 3.400.000 đồng; B là 1.100.000 đồng; N thua hết tiền).

Quá trình điều tra đã xác định: Trước khi tham gia đánh bạc O mang theo 700.000 đồng và 1.300.000 đồng là tiền U trả, tổng cộng là 2.000.000 đồng, O sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích đánh bạc. U mang theo 2.300.000 đồng và sử dụng hết để đánh bạc. V mang theo số tiền 3.130.000 đồng và sử dụng 2.200.000 đồng vào mục đích đánh bạc. T mang theo 4.298.000 đồng và sử dụng 4.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc. N mang theo 3.760.000 đồng và sử dụng 2.400.000 đồng vào mục đích đánh bạc. K mang theo 1.700.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Z mang theo 1.000.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. C mang theo 7.200.000 đồng và sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. B mang theo 800.000 đồng và sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Tại thời điểm bắt quả tang, tuy N, V và B đã nghỉ chơi, nhưng đã xác định được số tiền đã dùng vào việc đánh bạc vào từng thời điểm cụ thể như sau:

- Khi O làm cái để đánh bạc với T, N, B, K - Z (Z giúp K đánh bài nhưng sử dụng tiền của K), thì số tiền được xác định đã dùng vào việc đánh bạc là **10.900.000 đồng** (O là 2.000.000; T là 4.000.000 đồng; N, 2.400.000 đồng; B là 800.000 đồng; K là 1.700.000 đồng);

- Khi K và C hùn để đánh bạc với O, T, N, U, V và B thì Z không tham gia. Như vậy, số tiền được xác định đã dùng vào việc đánh bạc trong trường hợp này là **22.600.000 đồng**, gồm: 11.700.000 đồng là tổng số tiền khi C, V, U tham gia đánh bạc (C là 7.200.000 đồng; V là 2.200.000 đồng và U là 2.300.000 đồng) và 10.900.000 đồng là tổng số tiền đánh bạc của O, T, N, B, K.

- Khi T và N hùn để đánh bạc với O, K, C, Z, U, V thì B không tham gia. Lúc này B đã thắng 300.000 đồng. Như vậy, số tiền được xác định đã dùng vào việc đánh bạc trong trường hợp này là **22.500.000 đồng**, gồm: 21.500.000 đồng là tổng số tiền hiện tại đang sử dụng đánh bạc của T, N, O, K, C, U, V và 1.000.000 đồng của Z khi tham gia đánh bạc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Phạm Thị P, Nguyễn Bá T, Nguyễn O, Dương Thúy U, Đặng V, Huỳnh K, Lê Văn Z, Nguyễn Văn N, Đặng Thị C và Nguyễn Thị Bé B đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (BL: 225-335).

*** Vật chứng vụ án:**

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi số tiền 26.320.000 đồng tại Kho bạc Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), theo phiếu thu số 373 ngày 18/9/2020.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đang thu giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng số 126, 127 ngày 05/11/2020 (BL: 208 - 209).

- 01 bộ bài 52 lá đã qua sử dụng.

- Xe mô tô biển số 59X2 - 1395 do V điều khiển đến để chơi đánh bạc, qua xác minh do anh Lương Văn Đ đứng tên đăng ký chủ sở hữu, ngày 18/9/2007, anh Đào bán xe trên bằng giấy tay cho V và V sử dụng đến ngày bị bắt.

Cáo trạng số 32/CTr-VKSTPTĐ ngày 06/01/2022 của Viện kiểm sát N dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Thị P về Tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn O, Dương Thúy U, Đặng V, Huỳnh K, Lê Văn Z, Nguyễn Văn N, Đặng Thị C và Nguyễn Thị Bé B về Tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Thủ Đức giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị xử phạt: Bị cáo Phạm Thị P từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn O, Dương Thúy U, Đặng V, Huỳnh K, Lê Văn Z, Nguyễn Văn N, Đặng Thị C và Nguyễn Thị Bé B, mỗi bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về Tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Đức, của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát N dân thành phố Thủ Đức trong quá trình điều tra truy tố là thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi tố

tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Thị P, Nguyễn Bá T, Nguyễn O, Dương Thúy U, Đặng V, Huỳnh K, Lê Văn Z, Nguyễn Văn N, Đặng Thị C và Nguyễn Thị Bé B tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 09/7/2020 của Công an phường Long Trường, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức); các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 09/7/2020 và ngày 10/7/2020; các Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 04/9/2020, 09/9/2020, 10/9/2020, 14/9/2020, 10/11/2020; Phiếu thu số 373 ngày 08/9/2020 của Công an Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức); Kết luận giám định số 5227/KLGD-X (Đ3) ngày 14/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận:

- Khoảng 17 giờ 00 phút đến khoảng 22 giờ 00 phút ngày 09/7/2020. Bị cáo Phạm Thị P đã có hành vi chuẩn bị bộ bài 52 lá, rủ rê các con bạc đến nơi ở của P là Phòng trọ tại địa chỉ khu phố P, phường T, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh đánh bài 06 lá được thua bằng tiền, nhằm mục đích để cho P thu được tiền xâu (Tiền chứa bạc) được **300.000 đồng**. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc tại thời điểm các con bạc bị bắt quả tang là 21.820.000 đồng (*Đã bao gồm cả tiền xâu*) nhưng tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng 01 lần có trị giá lớn nhất là **26.320.000 đồng**, đã đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Thị P phạm Tội “Tổ chức đánh bạc”, trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Vào thời điểm Nguyễn Bá T làm cái đánh với Nguyễn O, Lê Văn Z, Đặng Thị C, Huỳnh K, Dương Thúy U thì số tiền bắt quả tang là **21.520.000 đồng**. Tuy V trước đó, khi K và C hùn làm cái đánh với O, T, N, U, V, Bảy thì số tiền làm căn cứ để xử lý hình sự đối với Huỳnh K, Đặng Thị C, Nguyễn O, Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn N, Dương Thúy U, Đặng V và Nguyễn Thị Bé B là **22.600.000 đồng**. Đã đủ căn cứ để kết luận Huỳnh K, Đặng Thị C, Nguyễn O, Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn N, Dương Thúy U, Đặng V và Nguyễn Thị Bé B phạm Tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Lê Văn Z, tại thời điểm T và N hùn làm cái đánh với O, K, C, Z, U, V thì số tiền được sử dụng vào việc đánh bạc là **22.500.000 đồng**. Là Lê Văn Z đã phạm Tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Mặc dù biết rõ việc đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, muốn chiếm đoạt tài sản của nhau nên các bị cáo Phạm Thị P Nguyễn O, Huỳnh K, Đặng Thị C, Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn N, Dương Thúy U, Đặng V, Nguyễn Thị Bé B, Lê Văn Z đã bất chấp, cố ý thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và tham gia đánh bạc trái phép, trực tiếp xâm phạm đến an ninh trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Trong đó:

- + Bị cáo Phạm Thị P đã sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để cho 09 người đánh bạc và tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá trên 20.000.000 đồng và đã thu được tiền chứa bạc là 300.000 đồng;

- + Các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn O, Dương Thúy U, Đặng V, Huỳnh K, Lê Văn Z, Nguyễn Văn N, Đặng Thị C và Nguyễn Thị Bé B đã đánh bài 06 lá được thua bằng tiền. Trong đó các bị cáo Nguyễn O, Đặng Thị C, Nguyễn Bá T, Huỳnh K đã tham gia làm cái (Một người đánh bạc với nhiều người); các bị cáo Đặng V, Nguyễn Thị Bé B không tham gia đánh bạc suốt toàn bộ quá trình mà đã tự ý ngừng tham gia đánh bạc trước khi công an vào bắt giữ.

Tuy V cũng xét, tất cả các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, trong đó các bị cáo: Huỳnh K, Đặng Thị C, Nguyễn O, Nguyễn Bá T, Nguyễn Văn N, Dương Thúy U, Đặng V, Nguyễn Thị Bé B và Lê Văn Z phạm tội ít nghiêm trọng; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối hận.

Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng:

- Điểm C Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định khung hình phạt phải áp dụng, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ phạm tội, N thân bị cáo Phạm Thị P;

- Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định khung hình phạt phải áp dụng, các điểm i-s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ

phạm tội, N thân của các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn O, Dương Thúy U, Đăng V, Huỳnh K, Lê Văn Z, Nguyễn Văn N, Đặng Thị C và Nguyễn Thị Bé B.

Căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn O, Dương Thúy U, Đăng V, Huỳnh K, Lê Văn Z, Nguyễn Văn N, Đặng Thị C và Nguyễn Thị Bé B: có N thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị xử phạt không quá 03 năm tù. Nghĩ không cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội trong thời gian chấp hành bản án là đã có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt về sau.

Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Thủ Đức là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và quy định của pháp luật nên được chấp thuận.

[4] Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 26.320.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc (Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi đồng tại Kho bạc Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) - theo phiếu thu số 373 ngày 18/9/2020).

- Đối với: 01 bộ bài 52 lá đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 126/20 ngày 05/11/2020).

- Đối với xe mô tô biển số 59X2 - 1395 do bị cáo Đăng V điều khiển đến nơi đánh bạc. Qua điều tra xác định được, xe do anh Lương Văn Đ đứng tên đăng ký chủ sở hữu, ngày 18/9/2007, anh Đào bán xe trên bằng giấy tay cho bị cáo V và bị cáo V sử dụng làm phương tiện đi lại cho đến ngày bị bắt. Xét xe trên là phương tiện đi lại, sinh hoạt của gia đình bị cáo V, không phải là phương tiện trực tiếp thực hiện tội phạm nên giao trả xe cho bị cáo V là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị P phạm Tội Tổ chức đánh bạc.

1.2. Căn cứ Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn O, Dương Thúy U, Đặng V, Huỳnh K, Lê Văn Z, Nguyễn Văn N, Đặng Thị C và Nguyễn Thị Bé B phạm Tội Đánh bạc.

2.1 Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 322, Điều 38, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Phạm Thị P 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ tạm giam từ ngày 10/7/2020 đến ngày 22/9/2020.

2.2 Áp dụng: Khoản 1 Điều 322, điểm i-s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

2.2.1 Đặng Thị C 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng treo. Thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Đặng Thị C về cho Ủy ban N dân phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2.2 Nguyễn Bá T 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng treo. Thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Bá T về cho Ủy ban N dân phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2.3 Nguyễn Văn N 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng treo. Thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Văn N về cho Ủy ban N dân xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2.4 Dương Thúy U 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Dương Thúy U về cho Ủy ban N dân phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2.5 Đặng V 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Đặng V về cho Ủy ban N dân phường phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2.6 Nguyễn O 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng treo. Thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn O về cho Ủy ban N dân phường thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2.7 Huỳnh K 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng treo. Thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Huỳnh K về cho Ủy ban N dân phường Long P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2.8 Lê Văn Z 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Lê Văn Z về cho Ủy ban N dân phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2.9 Nguyễn Thị Bé B 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Thị Bé Bảy về cho Ủy ban N dân xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Buộc Phạm Thị P nộp lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 26.320.000 đồng (Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 9 đã gửi đồng tại Kho bạc Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) - theo Phiếu thu số 373 ngày 18/9/2020).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài 52 lá đã qua sử dụng (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 126/20 ngày 05/11/2020 của Công an Quận 9 – nay là Công an thành phố Thủ Đức).

- Giao trả xe mô tô biển số 59X2 - 1395 cho Đăng V (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 127/20 ngày 05/11/2020 của Công an Quận 9– nay là Công an thành phố Thủ Đức).

5. Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án N dân Tp.HCM;
- VKSND Tp Thủ Đức;
- Công an Tp Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tùng